TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 151/2024/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 216/2024/VDS-HNGĐ ngày 04/9/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Cà Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản Thái Cóng, xã Phổng Lăng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn Văn Tiên, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn H2 và chị Cà Thị H kết hôn với nhau từ năm 2018 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Mai Sơn vào ngày 17/9/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị xác định mâu thuẫn vợ cH là do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cãi vã, cuộc sống không có tiếng nói chung, không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài và trầm trọng hơn, cả hai không có tiếng nói chung để giải quyết bất đồng dẫn đến năm 2021, anh chị đã quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Sau thời gian dài ly thân, anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành nên quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị H và anh H2 xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể quay lại chung sống, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên

thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị xác định có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/6/2017 và cháu Phạm Minh C, sinh ngày 18/7/2019. Anh chị thống nhất trách nhiệm nuôi dưỡng con chung như sau: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Ngọc H; anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh C đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh chị không thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị H và anh H2 thống nhất xác nhận không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về nợ chung vợ cH**:** Không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị Cà Thị H và anh Phạm Văn H2 thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 16 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H2 và chị Cà Thị H.

- Về con chung: Chị Cà Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Ngọc Hân, sinh ngày 28/6/2017 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Phạm Văn H2 là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh Chí, sinh ngày 18/7/2019 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh chị không thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị H và anh H2 được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ cH: Chị H và anh H2 thống nhất xác nhận không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Về nợ chung vợ cH**:** Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị H chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001364 ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Phạm Văn H2 chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã N, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân